|  |  |
| --- | --- |
| Tuần 9Tiết 13 | Ngày soạn: 01/11/2023Ngày bắt đầu KT: /11/2023 |

**KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS khái quát lại kiến thức của các nội dung Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam, Địa hình và Khoáng sản Việt Nam.

**2. Năng lực:**

***\* Năng lực chung***

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực khi làm bài kiểm tra.

***\* Năng lực Địa Lí***

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để làm bài kiểm tra. Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng địa lí trong bài.

***3. Phẩm chất***

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động học tập, làm bài

- Trách nhiệm: hoàn thành bài kiểm tra đạt kết quả cao

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Đề kiểm tra

**2. Chuẩn bị của học sinh: máy tính,..**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**MA TRẬN, ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I – ĐỊA LÍ 8**

**( Thời gian làm bài 90 phút kể cả phân môn lịch sử)**

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chủ đề | Nội dung/ Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | Tổng số |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ (3 tiết)  | - Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.- Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. | **Nhận biết**- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.**Thông hiểu** - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. **Vận dụng cao: (thêm)**- Liên hệ phân tích ảnh hưởng của vị trí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên địa phương. | 4TN\*(1đ) | 1TL\*(1,5đ) |  | 1TL\* (0,5đ) | 15%1,5 điểm |
| 2 | ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM(9 tiết) | - Đặc điểm chung của địa hình.- Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình.- Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.- Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu. | **Nhận biết**- Nêu được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.**Thông hiểu**- Trình bày và được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.- Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.**Vận dụng**- Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. **Vận dụng cao: (thêm)**- Liên hệ phân tích ảnh hưởng của địa hình đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương em. | 4TN\*(1đ) | 1TL\*(1,5đ)1TL\*(1,5đ) | 1 TL\*(1,0đ) | 1TL\*(0,5đ) | 35%3,5điểm |
| **Số câu/loại câu** |  | 8 câu  TN  | 1 câu TL | 1câu TL | 1 câuTL | 10 câu(8TN, 2TL) |
| **Tỉ lệ** |  | 20% | 15% | 10% | 5% |  100% |

**ĐỀ BÀI**

**ĐỀ SỐ 1**

**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm ):**

***Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau (*** *Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm ).*

**Câu 1: Điểm cực Bắc của nước ta nằm ở địa danh**

A. xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển , tỉnh Cà Mau.

B. xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

C. xãVạn Thạnh , huyện Vạn Ninh , tỉnh Khánh Hòa.

D. xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.
**Câu 2: Việt Nam có biên giới đất liền với:**

A. Trung Quốc, Lào, Thái Lan. B. Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan.

C. Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia. D. Cam-pu-chia, Thái Lan, Trung Quốc.

**Câu 3: Trên bản đồ thế giới, Việt Nam nằm ở khu vực nào sau đây?**

A. Đông Nam Á. B. Tây Nam Á. C. Đông Á. D. Bắc Á.

**Câu 4: Diện tích đất liền của Việt Nam năm 2021 là**

A. 330 000 km2B. 330 344 km2 C. 332 000 km2 D. 331 344 km2

**Câu 5: Vùng đồi núi nước ta gồm mấy khu vực chính?**

|  |
| --- |
| A. 2 B. 4 C. 5 D. 6 |

**Câu 6: Địa hình núi cao nhất nước ta tập trung chủ yếu ở**

|  |  |
| --- | --- |
| A. vùng núi Tây Bắc.  | B. vùng núi Đông Bắc. |
| C. vùng núi Trường Sơn Bắc. | D. vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam. |

**Câu 7: Các dãy núi hình cánh cung và vùng đồi phát triển rộng là đặc điểm địa hình chủ yếu ở**

|  |  |
| --- | --- |
| A. vùng núi Tây Bắc.  | B. vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam.. |
| C. vùng núi Trường Sơn Bắc. | D. vùng núi Đông Bắc. |

**Câu 8: Bờ biển nước ta dài**

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3 160 km.  | B. 3 260 km. |
| C. 3 360 km. | D. 3 460 km. |

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm):**

Trình bày và giải thích đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản ở nước ta.

**Câu 2 (1,5 điểm):**

 Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết vì sao đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam?

---------------------Hết -------------------

**ĐỀ SỐ 2**

**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm ):**

***Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau (*** *Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm ).*

**Câu 1: Điểm cực Nam của nước ta nằm ở địa danh**

A. xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển , tỉnh Cà Mau.

B. xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

C. xãVạn Thạnh , huyện Vạn Ninh , tỉnh Khánh Hòa.

D. xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.
**Câu 2: Phía Tây của Việt Nam có biên giới với:**

A. Trung Quốc, Lào. B. Lào, Cam-pu-chia.

C. Trung Quốc, Cam-pu-chia. D. Cam-pu-chia, Thái Lan.

**Câu 3: Địa hình nước ta gồm mấy khu vực chính?**

|  |
| --- |
| A. 2 B. 3 C. 4 D. 5 |

**Câu 4: Đỉnh núi Phan-xi-păng cao nhất nước ta thuộc**

|  |  |
| --- | --- |
| A. vùng núi Tây Bắc.  | B. vùng núi Đông Bắc. |
| C. vùng núi Trường Sơn Bắc. | D. vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam. |

**Câu 5 : Vùng núi nào ở nước ta có hướng núi chủ yếu là vòng cung**

|  |  |
| --- | --- |
| A. vùng núi Tây Bắc.  | B. vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam.. |
| C. vùng núi Đông Bắc. | D. vùng núi trường Sơn Bắc. |

**Câu 6: Đường biên giới trên đất liền nước ta dài**

|  |  |
| --- | --- |
| A. 1650 km.  | B. 3 260 km. |
| C. 4600 km. | D. trên 4600 km. |

**Câu 7: Trên bản đồ thế giới, Việt Nam nằm ở khu vực nào sau đây?**

A. Bắc Á. B. Tây Nam Á. C. Đông Á. D. Đông Nam Á

**Câu 8: Diện tích đất liền của Việt Nam năm 2021 là**

A. 330 000 km2B. 330 344 km2 C. 331 344 km2 D. 332 000km2

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm):**

Trình bày và giải thích đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản ở nước ta.

**Câu 2 (1,5 điểm):**

 Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết vì sao đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam?

**HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM**

**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm).** Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án Đ 1 | D | C | A | D | B | A | D | B |
| Đáp án Đ 2 | A | B | B | A | C | D | D | C |

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Ðiểm** |
| **1****(1,5 điểm)** | **\* Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản ở nước ta.** |  |
| **- Cơ cấu:** Khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng. Trên lãnh thổ Việt Nam đã thăm dò được hơn 60 loại khoáng sản khác nhau như khoáng sản: năng lượng, kim loại, phi kim loại. | 0,25 |
| **- Quy mô:** Phần lớn các mỏ khoáng sản ở nước ta có trữ lượng trung bình và nhỏ. Học sinh lấy ví dụ. | 0,5 |
| **- Phân bố:** Khoáng sản nước ta phân bố ở nhiều nơi, nhưng tập trung chủ yếu ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên. | 0,25 |
| **\* Giải thích:**- Sự phong phú, đa dạng của khoáng sản do Việt Nam ở vị trí giao nhau giữa các vành đai sinh khoáng, đồng thời có lịch sử phát triển địa chất lâu dài và phức tạp nên có nhiều loại khoáng sản. | 0,5 |
| **2****(1,5 điểm)** | **Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam vì:**  |  |
|  - Đồi núi chiếm ¾ diện tích lãnh thổ đất liền và là dạng địa hình phổ biến nhất, ngay ở các đồng bằng cũng gặp các núi sót...- Đồi núi ảnh hưởng đến nhiều cảnh quan chung: sự xuất hiện các đai cao theo địa hình: nhiệt đới chân núi, á nhiệt đới...- Đồi núi ảnh hưởng lớn tới sự phát triển kinh tế - xã hội. Các vùng núi có những thế mạnh riêng về kinh tế: khai thác khoáng sản, trồng cây công nghiệp... | 0,50,50,5 |

**3. GV nhận xét, đánh giá tiết KT**

Thái Tân , ngày ………..tháng...........năm 2023

Ký duyệt

Nguyễn Thị Huyền